

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2020/DS-PT  
Ngày: 12-5-2020  
V/v Tranh chấp về bồi thường  
thiệt hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Kim Anh

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Nhung  
Ông Nguyễn Đình Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1761/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đoàn Nhật T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Căn hộ T5-B10-10 M, số 159 đường X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện ủy quyền của ông Đoàn Nhật T:*

Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 21/7 Đường C, khu phố M, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 004779.2019/UQ ngày 05/7/2019 tại Văn phòng công chứng T).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Hồng H**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Căn hộ T5-B12-A-11 M số 159 đường X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

Bà **Hà Thị Mai H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: chung cư A, đường T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 004415 ngày 08/09/2017, lập tại Văn phòng công chứng N).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông luật sư **Đào Xuân S**, Công ty luật TNHH J – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 11 Bis (tầng 3) đường P, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1961 - Đại diện ban quản lý Tòa nhà căn hộ thương mại dịch vụ cụm nhà chung cư M.

2. Ông **Châu Thanh T**, sinh năm 1985 - Đội trưởng đội bảo vệ Tòa nhà căn hộ thương mại dịch vụ cụm nhà chung cư M.

Cùng địa chỉ: Tòa nhà căn hộ thương mại cụm nhà chung cư M - số 159 đường X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – ông Trần Hồng H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2018, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Đoàn Nhật T có ông Nguyễn Văn K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 08/7/2018, tại tầng hầm để xe của Tòa nhà căn hộ thương mại dịch vụ cụm nhà chung cư M, địa chỉ Số 159 đường X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc ông Trần Hồng H điều khiển lùi xe ô tô biển số 73C-7357 đã va chạm làm hư hỏng nặng đầu xe ô tô biển số 51G-03425 (đang đỗ) do ông Đoàn Nhật T là chủ sở hữu.

Sau khi phát hiện xe bị hư hỏng do va chạm, nguyên đơn đã mang xe đi sửa tại Trung tâm L (thuộc Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco), số 264 đường T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết toán ngày 06/8/2018 của Trung tâm L, chi phí sửa chữa đối với xe Lexus 51G-03425 là 132,458,480 đồng. Nguyên đơn được Công ty Bảo hiểm V chi trả 95,690,014 đồng, tương đương 80% thiệt hại, số tiền còn lại nguyên đơn thanh toán cho Trung tâm L. Quá trình giải quyết bồi thường, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50,000,000 đồng, nhưng không đồng ý trả số tiền còn lại nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Hiện tại, nguyên đơn đã hoàn trả toàn bộ phí bảo hiểm 95,690,014 đồng cho Công ty Bảo hiểm V và có văn bản gửi cho Công ty V xác định ông sẽ yêu cầu bên gây thiệt hại phải bồi thường và cam kết không khiếu nại về sau.

Nay nguyên đơn xác định khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại là toàn bộ chi phí sửa chữa đối với xe ô tô Lexus biển số 51G-03425, sau khi trừ đi 50,000,000 đồng đã tạm ứng thì bị đơn còn phải bồi thường tiếp số tiền 82,458,480 đồng.

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Hồng H có bà Hà Thị Mai H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn xác nhận có sự việc va chạm giữa xe ô tô biển số 73C-7357 và ô tô biển số 51G-03425 như nguyên đơn trình bày. Ngay sau khi sự việc xảy ra, do chưa biết giá sửa chữa xe là bao nhiêu nên bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn số tiền 50,000,000 đồng để sửa chữa hư hỏng của xe.

Tại Biên bản họp ngày 01/10/2018, căn cứ Quyết toán sửa chữa do nguyên đơn cung cấp là 132,458,480 đồng, bị đơn đã chuyển cho đại diện Ban quản lý chung cư M số tiền 82,458,480 đồng để trả cho nguyên đơn sau khi nguyên đơn cung cấp được Hóa đơn giá trị gia tăng và những phụ tùng hư hỏng đã được thay thế. Tuy nhiên, đến nay, nguyên đơn không xuất trình được hóa đơn sửa chữa hư hỏng của chiếc xe nêu trên để làm cơ sở cho việc bồi thường. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời có Đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền 50,000,000 đồng.

*Người làm chứng ông Nguyễn Văn T và ông Châu Thanh T có Bản tự khai trình bày:* Các ông xác nhận sự việc ngày 08/7/2018 tại Tầng để xe của Tòa nhà căn hộ thương mại dịch vụ tại tháp 5 tầng 2 cụm nhà chung cư M, địa chỉ Số 159 đường X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, có va chạm giữa xe ô tô biển số 73C-7357 chủ sở hữu là ông Trần Hồng H điều khiển, làm cho đầu xe ô tô biển số 51G-03425 do ông Đoàn Nhật T là chủ sở hữu, bị hư hỏng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 588 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Trần Hồng H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Đoàn Nhật T số tiền 82,458,480 đồng (tám mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng). Thực hiện một lần, toàn bộ ngay khi bản án có hiệu lực.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Hồng H về việc yêu cầu nguyên đơn ông Đoàn Nhật T phải trả lại số tiền 50,000,000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/12/2019 Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn của Bị đơn – ông Trần Hồng H, kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt nên không thể tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn, giữ nguyên yêu cầu phản tố, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn với lý do nguyên đơn không cung cấp được phụ tùng hư hỏng của xe bị thay thế và không cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng mang tên bị đơn. Trong khi thừa nhận việc hư hỏng một phần đầu xe của nguyên đơn ngày 08/7/2018 là do bị đơn gây ra.

Luật sư của nguyên đơn tranh luận cho rằng ngay khi lập biên bản xác nhận thiệt hại bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cung cấp phụ tùng hư của xe, đồng thời việc phải cung cấp hóa đơn sửa xe của nguyên đơn mang tên bị đơn là không đúng với quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] *Về hình thức*: Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Trần Hồng H được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

[2] *Người tham gia tố tụng*:

[2.1] Bị đơn có Đơn đề nghị ngày 25/02/2020 và ngày 11/3/2020 về việc triệu tập Công ty Bảo hiểm V (viết tắt là V) tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với lý do việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của họ theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015; V mới có quyền yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại nếu có hồ sơ bảo hiểm hợp lệ; đồng thời cần làm rõ cơ sở pháp luật mà V đã bồi thường sau đó nhận lại tiền bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm, là cố tình làm sai để che giấu hành vi trục lợi bảo hiểm. Hội đồng xét xử nhận định:

[2.2] Căn cứ Công văn số 42/CV-SGO ngày 11/10/2019 của Công ty Bảo hiểm V, có nội dung ngày 14/7/2018, V tiếp nhận tổn thất xe biển số 51F-162-57 (số mới 51G-03425) vào ngày 23/8/2018 căn cứ trên chứng từ sửa chữa đã bồi thường cho ông Đoàn Nhật T số tiền 95,690,014 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm số 005.KD05.HD.XE.17.23725 có thời hạn từ ngày 27/11/2017 đến ngày 27/11/2018. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại V đã nhận lại toàn bộ số tiền nêu

trên với lý do ông T đã yêu cầu bên gây tai nạn bồi hoàn thiệt hại và cam kết không khiếu nại V. Đồng thời xác định đến thời điểm hiện tại thì Hợp đồng bảo hiểm của ông T đã hết hạn bảo hiểm và V không còn liên quan đến tranh chấp trong vụ án này theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là một năm, kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm;

[2.3] Ngoài ra, V cũng không thể khởi kiện bị đơn bằng một vụ kiện khác để yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm giữa V với nguyên đơn liên quan đến thiệt hại trong vụ án này vì vụ án này được giải quyết, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2.4] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa V tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cũng như quyền và lợi ích của V. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần này.

### [3] *Về quyền khởi kiện:*

[3.1] Bị đơn kháng cáo cho rằng V mới có quyền yêu cầu ông Trần Hồng H bồi hoàn số tiền mà doanh nghiệp đã bồi thường nếu có hồ sơ hợp lệ và nguyên đơn phải có nghĩa vụ chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm đối với bị đơn và nguyên đơn không được trả tiền bảo hiểm lại cho V để đòi ông Trần Hồng H theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2019; khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.2] Căn cứ Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Mặt khác, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ có quyền yêu cầu khởi kiện khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm theo quy định tại Điều 186 và Điều 187 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên trong trường hợp này nguyên đơn không yêu cầu V phải bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm mà yêu cầu người trực tiếp gây thiệt hại bồi thường là phù hợp với quy định pháp luật.

[3.3] Do đó, yêu cầu kháng cáo cho rằng V mới có quyền yêu cầu ông Trần Hồng H bồi hoàn là không có căn cứ để chấp nhận.

### [4] *Về nội dung:*

[4.1] Xét kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi số tiền 82,458,480 đồng là số tiền còn thiếu trong tổng số tiền 132,458,480

đồng là thiệt hại từ việc xe ô tô biển số 73C-7357 đã va chạm làm hư hỏng nặng đầu xe ô tô biển số 51G - 03425; bị đơn không đồng ý bản án sơ thẩm với lý do nguyên đơn phải cung cấp được phụ tùng cũ hư hỏng bị thay thế và bản chính hóa đơn giá trị gia tăng của việc sửa chữa làm cơ sở để bị đơn bồi thường thiệt hại. Do đó vấn đề Hội đồng xét xử đặt ra để giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị đơn là cần xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại; nguyên tắc bồi thường thiệt hại và xác định thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 584; Điều 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, yêu cầu của bị đơn buộc nguyên đơn phải cung cấp phụ tùng cũ bị thay thế và hóa đơn giá trị gia tăng của việc sửa chữa có là căn cứ để giải quyết việc bồi thường hay không để giải quyết yêu cầu phản tố và kháng cáo của bị đơn.

[4.2] Căn cứ lời thừa nhận của bị đơn tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ xác định ngày 08/7/2018, tại tầng hầm để xe của Tòa nhà căn hộ thương mại dịch vụ cụm nhà chung cư M, địa chỉ Số 159 đường X, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc ông Trần Hồng H điều khiển lùi xe ô tô biển số 73C-7357 đã va chạm làm hư hỏng nặng đầu xe ô tô biển số 51G-03425 (đang đỗ) do ông Đoàn Nhật T là chủ sở hữu.

[4.3] Căn cứ Văn bản số 239/2019/CV/TSMC của Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco ( Trung tâm L) phúc đáp Tòa án nhân dân Quận 2 có nội dung xác nhận sửa chữa xe Ô tô biển số 51G-03425 với Tổng cộng chi phí (bao gồm thuế GTGT 10%) là 132,458,480 đồng, được liệt kê tại Quyết toán sửa chữa số 0049342018 ngày 06/8/2018 của Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco (Trung tâm L) có nội dung: Khách hàng ông Đoàn Nhật T, số xe 51G03425. Công việc và vật tư được liệt kê: Phần đồng: 1. Công tháo lắp thay thế cản trước 2. Công tháo lắp thay thế (cân chỉnh đèn trước phải) 3. Công sửa chữa cân chỉnh về trước phải 4. Cản trước 5. Giá bắt cản trước 6. Kẹp cản trước 7. Bát đèn pha 8. Giá bát đèn pha bên phải 9. Vỏ đèn pha bên phải; Phần sơn: 1. Sơn cản trước 2. Sơn về trước phải.... và hóa đơn giá trị gia tăng số 0000051 ngày 16/8/2018 của Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco (Trung tâm L) với số tiền sửa chữa xe số 51G-03425 là 132,458,480 đồng.

[4.4] Căn cứ Biên bản làm việc ngày 14/7/2018 tại khu dân cư M gồm nguyên đơn và bị đơn và đại diện Ban quản lý khu dân cư, tổ trưởng tổ bảo vệ có nội dung làm việc: *“chủ xe yêu cầu xe được khắc phục bởi chính hãng; tất cả hư hỏng liên quan đến vụ va chạm phải được khắc phục bởi chính hãng; yêu cầu bên gây thiệt hại phải bồi thường trước 200,000,000 đồng đến 300,000,000 đồng. Ý kiến của chủ xe gây thiệt hại: đưa trước cho anh T 50,000,000 đồng. Dự*

*kiến thứ 3 ngày 17/7/2018 đưa tiếp cho anh T 200,000,000 đồng”. Tuy nhiên, đến ngày 01/10/2018 sau khi nguyên đơn cung cấp bảng quyết toán đề yêu cầu bị đơn giao số tiền còn lại là 82,458,480 đồng. Thì bị đơn mới đặt ra yêu cầu sẽ đồng ý để Ban quản lý khu dân cư tạm giữ số tiền nêu trên và chỉ được giao tiền khi nguyên đơn cung cấp phụ tùng cũ xe như hình ảnh hai bên chụp lại và hóa đơn GTGT của hãng sửa xe. Tiếp đến ngày 06/11/2018 tại Biên bản làm việc có nội dung đại diện phía bị đơn yêu cầu đại diện nguyên đơn cung cấp hình ảnh hóa đơn giá trị gia tăng và thiết bị hư hỏng của xe 51G-03425. Do không thống nhất được cách giải quyết cũng như ý kiến của bị đơn, nên dẫn đến tranh chấp.*

[4.5] Tại các bản tự khai của nguyên đơn nêu, ngày tại ngày 14/7/2018 sau khi hai bên thống nhất có việc va chạm và chi tiết thiệt hại cùng với hình thức bồi thường thì không có nội dung thỏa thuận phải cung cấp phụ tùng cũ bị thay thế và hóa đơn GTGT. Tại phiên tòa hôm nay đại diện bị đơn lại yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp hóa đơn GTGT mang tên bị đơn theo thỏa thuận bằng lời nói.

[4.6] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định có việc va chạm do bị đơn gây thiệt hại vào ngày 08/7/2018. Thiệt hại là chi phí sửa chữa có tổng giá trị là 132,458,480 đồng phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong vụ án. Bị đơn chỉ đồng ý bồi thường trong trường hợp nguyên đơn phải cung cấp phụ tùng thay thế và hóa đơn GTGT nhưng sau khi hai bên đã thỏa thuận ngày 14/7/2018 không có nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn gây thiệt hại thì phải trực tiếp bồi thường toàn bộ thiệt hại để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sau khi đã trừ đi số tiền tạm ứng đã nhận là có cơ sở, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[5] *Xét kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu phản tố:* Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền 50,000,000 đồng tạm ứng (ngày 14/7/2018) cho việc bồi thường. Tuy nhiên, từ những căn cứ và nhận định nêu trên xác định số tiền 50,000,000 đồng bị đơn đã giao là tạm ứng cho việc bồi thường thiệt hại. Tổng số tiền thiệt hại được xác định là 132,458,480 đồng, nguyên đơn đã nhận tạm ứng số tiền 50,000,000 đồng và yêu cầu khởi kiện đòi thêm số tiền 82,458,480 đồng được chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần này.



[6] *Về án phí*: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm cũng giữ nguyên. Bị đơn không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bởi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 588 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Trần Hồng H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Đoàn Nhật T số tiền 82,458,480 đồng (tám mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi đồng). Thực hiện một lần, toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Hồng H về việc yêu cầu nguyên đơn ông Đoàn Nhật T phải trả lại số tiền 50,000,000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường cho nguyên đơn là 4,122,924 đồng (bốn triệu, một trăm, hai mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng). Án phí cho yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 2,500,000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng), được cản trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1,250,000 đồng (một triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0016296 ngày

10/5/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 2, ông Trần Hồng H còn phải nộp thêm án phí cho yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 1,250,000 đồng (một triệu, hai trăm, năm mươi nghìn đồng).

Ông Đoàn Nhật T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2,061,462 đồng (hai triệu, không trăm, sáu mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0016122 ngày 14/3/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hồng H phải chịu 300,000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ số tiền đã nộp 300,000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0027131 ngày 16/12/2019 của Chi Cục Thi hành án Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác định ông Trần Hồng H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Kim Anh**

